

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HC-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v: Yêu cầu hủy quyết định hành chính
và buộc áp dụng hành vi hành chính
trong lĩnh vực thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Khắc Tiệp

Bà Vương Thị Minh Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24-9-2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2024/TLST-HC ngày về “Yêu cầu hủy quyết định hành chính và buộc áp dụng hành vi hành chính trong lĩnh vực thuế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; Số CCCD: 036190003696; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 08 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Người bị kiện:

1. Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M.

Địa chỉ: Số 48 đường Trần Khắc Chung, phường Lộc Vượng, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thu Hiền, sinh năm 1975; số CCCD: 035175003704; chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phi Hùng, sinh năm 1972; Số CCCD: 036072005951; chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M.

(Văn bản ủy quyền ngày 12-4-2024).

2. Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M: Bà Đỗ Thị Thu Hiền, sinh năm 1975; số CCCD: 035175003704; chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phi Hùng, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thắng, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Chánh, sinh năm 1983; Số CCCD: 036083003430; chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu Quỳnh, sinh năm 1982; Số CCCD: 036182013492; chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

(Giấy ủy quyền ngày 21-5-2024)

3. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Phương, sinh năm 1976; Số CCCD: 036176003918; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu Đoàn, sinh năm 1976; Số CCCD: 036076003767; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N.

(Giấy ủy quyền ngày 22-5-2024)

(Tại phiên tòa: Bà Lê Thị H có mặt, Ông Trần Phi Hùng, ông Hoàng Thắng, ông Trần Hữu Đoàn, bà Trần Thị Thu Quỳnh có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày **17-01-2024**, bản tự khai ngày **05-3-2024** và trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị H trình bày:

Tháng 5-1999 bà có mua của ông Trần Tiến D, bà Lê Thị T 694m² đất, trong đó đất thổ cư là 206m², đất vườn là 392m², đất ao là 120m². Diện tích đất

nói trên có số thửa 65, tờ bản đồ số 1 năm 1977, tại địa chỉ: Tổ 3, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trên bản đồ địa chính, thửa đất đứng tên cụ Trần Thị Hoan, cụ Hoan cho con là ông D, bà T sử dụng.

Tháng 3-2000 bà H mua tiếp 400,3m² đất ao (sau này đo đạc lại là 403m²) của ông Dương Đình V. Vị trí đất ao mua thêm tiếp giáp với thửa đất bà H đã mua của ông D, bà T. Nguồn gốc đất ao này là của thôn bán cho ông V vào năm 1992, có phiếu thu tháng 01-1992, với tổng diện tích ao là 2650m². Trên bản đồ địa chính năm 1977 đất ao ông V bán cho bà thuộc thửa 71. Sau khi được mua đất ao của thôn, ông V đã vượt lập, xây nhà ở từ năm 1992, đến năm 2000 ông xây lại căn nhà và vẫn ở từ đó đến nay. Năm 2000 ông V tách 400,3m² đất ao bán cho bà, tháng 3-2000 bà xây dựng nhà trên phần diện tích đất mua của ông D bà T, năm 2002 bà kê ao và trồng cây trên thửa đất. Do tài sản được tạo lập trong quá trình bà chung sống với ông Ngô Quốc Đ nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa bà H và ông Đ phát sinh tranh chấp về chia tài sản chung và giải quyết tại Tòa án từ năm 2003 đến năm 2012. Năm 2004, khi Ủy ban nhân dân thành phố N tiến hành đo đạc để phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn vị đo vẽ đã lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất bà đang sử dụng có diện tích 1096,1m²; nhưng do đất đang có tranh chấp nên bà chưa được cấp sổ đỏ. Tuy nhiên, kết quả đo đạc đã được sử dụng đưa vào bản đồ địa chính và lưu trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất. Trên bản đồ địa chính năm 2004 được nghiệm thu năm 2005 vẫn thể hiện thửa đất của bà có số thửa 37, tờ bản đồ số 8 với tổng diện tích là 1096,1m², trong đó có 693,1m² là đất vườn và 403m² là đất ao, không thể hiện nhà ở.

Sau khi Bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật, bà đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, đồng thời bà H làm thủ tục tách thửa để tặng cho hai con là Phạm Quốc T và Phạm Thu T. UBND phường L đã làm thủ tục để tách thửa đất trên thành 3 thửa: Thửa đất của bà có số thửa 37, diện tích là 937,8m²; thửa đất của anh Thịnh có số thửa là 130, diện tích là 80,4m²; thửa đất của chị Trang có số thửa là 131, diện tích là 77,9m². Diện tích đất bà tách thửa và tặng cho hai con nằm trên phần diện tích đất ao 403m² mà bà mua lại của ông V năm 2000, phần còn lại bà sử dụng.

Ngày 19-10-2022 bà đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH039309 với diện tích đất được cấp là 937,8m². Trong đó đất ở là 598m², đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m². Trên sổ đỏ thể hiện nguồn gốc sử dụng đối với 598m² là đất có thu tiền sử dụng đất và 339,8m² là đất không thu tiền sử dụng đất. Cùng ngày thì các con của bà cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được bà H tách ra và tặng cho.

Ngay sau khi bà và các con được cấp sổ đỏ thì đã làm đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản thành đất ở tại đô thị. UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06-02-2023 với nội dung: Cho phép bà Lê Thị H được chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m² sang đất ở tại đô thị, với tổng diện tích 339,8m². Sau khi có quyết định, Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M đã ban hành Thông báo số LTB23111301-TK 0002922/TB-CCT ngày 24-4-2023 yêu cầu bà nộp tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa 2 loại đất đối với diện tích 339,8m² là 314.315.000 đồng. Bà không có khiếu nại đối với thông báo nộp tiền của Chi cục Thuế đối với bà và đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính. Chi cục thuế ban hành Thông báo nộp tiền ngày 24-4-2023 yêu cầu anh Phạm Quốc T và chị Phạm Thu T nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất giữa hai loại đất.

Ngày 04-7-2023 bà được hai con là Phạm Quốc T và Phạm Thị Trang ủy quyền làm đơn khiếu nại đối với thông báo nộp tiền sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ của hai con bà, yêu cầu Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M giải quyết cho hai con bà được nộp tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp. Sau đó Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M ban hành 02 thông báo số LTB23111301-TK 0009753/TB-CCT ngày 22-8-2023 và thông báo số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 về việc điều chỉnh bổ sung tiền sử dụng đất đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng của bà. Cụ thể: Diện tích đất 97,8m² bà phải nộp bằng 50% chênh lệch giữa 2 loại đất là 90.465.000 đồng; đối với diện tích đất 242m² bà phải nộp bằng mức chênh lệch giữa 2 loại đất là 447.700.000 đồng. Không đồng ý với các thông báo trên, bà H đã khiếu nại tới Chi cục Thuế. Chi cục trưởng chi cục Thuế khu vực thành phố N - M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 có nội dung giữ nguyên thông báo số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 đã phát hành của Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M đối với bà Hồng.

Ngày 11-3-2024 bà Hyêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M.

- Buộc chi cục thuế khu vực thành phố N – M Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16-6-2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết

định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền khi chuyển đổi mục đích sử dụng 242m² đất ao sang đất ở của bà. Cụ thể bà đề nghị áp dụng mức nộp tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp.

Ngày 08-5-2024 bà bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M;

- Yêu cầu bổ sung người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M;

- Yêu cầu đưa Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố N và UBND phường L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Trần Phi Hùng trình bày:

- Về hình thức và thẩm quyền ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất:

Theo quy định tại Điều 12 của thông tư 88/2016/TTNT/BTC-BTNMT ngày 22-6-2016 thì Cơ quan thuế có trách nhiệm xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và tại Điều 13 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 hướng dẫn luật quản lý thuế quy định về các trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế và thông báo nộp thuế thì Chi cục thuế khu vực thành phố N – M có thẩm quyền ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất và Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất. Về hình thức ban hành thông báo trên: tuân thủ đúng hình thức thông báo mẫu số: 01/TB-TSĐĐ ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020.

- Về hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại: Theo quy định tại Điều 72 của Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 15-5-2017 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại của cơ quan thuế các cấp là Chi cục trưởng Chi cục thuế. Bà Đỗ Thị Thu Hiền là Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N, - M có thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023. Hình thức của Quyết định giải quyết khiếu nại ban hành theo mẫu số 15 Nghị định 124/CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật khiếu nại.

- Về trình tự thủ tục và căn cứ ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Quyết định giải quyết khiếu nại

Ngày 02-3-2023 Chi cục thuế nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 769/PCTTĐC ngày 22-3-2023 của Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N đối với thửa đất của bà Lê Thị H, cụ thể:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại: Tổ 1 (cũ là tổ 3) Đệ tứ, phường L, thành phố N

Đường, đoạn đường, khu vực: đường Phù Nghĩa, từ Quốc lộ 10 đến Đệ tứ

Vị trí 4, mục đích sử dụng đất: Đất ở; mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: đất khác (cụ thể là đất ao)

Nguồn gốc đất: Đất nhận chuyển nhượng, ổn định lâu dài

Diện tích thửa đất 339,8m² (đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m²).

Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất 339,8m²

Hình thức sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản.

Hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Chi cục thuế liên quan tới Thông báo nộp tiền như sau: Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06-02-2023 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND thành phố Nam Định; Tờ khai lệ phí trước bạ của bà Hkhai ngày 08-2-2023; Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 08-02-2023; Tờ khai tiền sử dụng đất ngày 08-2-2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất DH 039309 ngày 19-10-2022(bản phô tô); căn cước công dân của bà Lê Thị H.

Ngày 06-3-2023 Chi cục thuế nhận được đơn đề nghị của bà Lê Thị H về việc đề nghị cơ quan thuế thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 09-3-2023 Chi cục thuế có công văn số 788/CCTKV- TTTBTK về việc thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp bà Lê Thị H gửi Cục thuế tỉnh Nam Định để hỏi về trả lời công văn trên của bà Hồng.

Ngày 15-3-2023 Chi cục thuế nhận được công văn trả lời của Cục thuế tỉnh Nam Định số 1469/CTNĐI – QNHCNKD và TK về việc thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất với nội dung: Căn cứ vào khoản 1, 3,4,6 Điều 103 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014 thì đối với thửa đất có vườn ao, gắn liền với nhà ở được hình thành trước ngày 01-7-2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng quy định tại Điều 100 của Luật đất đai khi chuyển mục đích sử dụng đất thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 30-3-2023 Chi cục thuế có công văn 1159/CCTKV-TTTBTK về việc xác định nguồn gốc đất của hộ bà Lê Thị H, anh Phạm Quốc Th, chị Phạm

Thu T gửi UBND phường L; Phòng tài nguyên và môi trường thành phố N và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố. Sau đó Chi cục thuế nhận được trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, công văn số 614/CV-CNVPĐĐ ngày 07-4-2023 về việc xác nhận nguồn gốc đất của bà Hồng, anh Thịnh, chị Trang với nội dung: bà Lê Thị H có nguồn gốc sử dụng đất theo phương án nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thứ tự 1 đợt điều chỉnh 17 được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23-5-2022. Cụ thể: Nguồn gốc đất xin chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích là 339,8m² (trong đó có đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m²) là nằm trong diện tích đất 937,8m² được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 039309 ngày 19-10-2022 đối với thửa đất 37 tờ bản đồ địa chính số 8, phường L, thành phố N trong đó đất ở là 598m²; đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m². Trên giấy chứng nhận thể hiện trên đất có nhà bê tông 2 tầng diện tích xây dựng 65m², diện tích sàn 130m². Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP thì đối với phần diện tích đất xin chuyển mục đích sử dụng đất gắn liền với đất ở, liền thổ thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên cơ quan thuế đã ban hành Thông báo số LTB23111301-TK 0002922/TB-CCT ngày 24-4-2023 với nội dung bà H nộp 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp là 314.315.000 đồng đối với 339,8m² đất.

Ngày 04-7-2023 anh Thịnh và chị Trang làm đơn khiếu nại đối với thông báo nộp tiền sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ của anh Thịnh và chị Trang tới chi cục Thuế khu vực thành phố N – M còn bản thân bà H không khiếu nại gì đối với Thông báo nộp tiền số LTB23111301-TK 0002921/TB-CCT ngày 24-4-2023 và Thông báo số LTB23111301-TK 0002922/TB-CCT ngày 24-4-2023. Khi nộp đơn khiếu nại anh Thịnh và chị Trang giao nộp bổ sung các tài liệu:

- + Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 26/10/2004 (bản photo) thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 tại thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N không ghi tên người sử dụng, không có ký và đóng dấu xác nhận của UBND Phường L.

- + Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06/10/2005 của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N, không ghi tên chủ sử dụng.

- + Sơ đồ nhà đất hộ bà Lê Thị H tại tổ 3 Đệ Tứ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định kèm theo bản án số 248/2011/HNGĐ –ST ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố N

- + Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20-06-2012 (bản photo) thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N ghi tên người sử dụng Lê Thị H.

+ Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-07-2012 của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N, ghi tên chủ sử dụng Lê Thị H.

+ Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20-06-2012 (bản photo) thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N ghi tên người sử dụng Phạm Quốc T.

+ Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-07-2012 của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N, ghi tên chủ sử dụng Phạm Quốc T.

+ Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/06/2012 (bản photo) thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N ghi tên người sử dụng Phạm Quốc T.

+ Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-07-2012 của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N, ghi tên chủ sử dụng Phạm Quốc T.

+ Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-07-2012 của thửa đất số 131, tờ bản đồ số 8 tại tổ 3 thôn Đệ Tứ, phường L, thành phố N, ghi tên chủ sử dụng Phạm Thu T.

Căn cứ vào tài liệu bổ sung do con bà Hgiaio nộp trong đó có hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 09-10-2005 nên Chi cục Thuế có công văn số 3669/CCTKV-TTBTBTK ngày 12-7-2023 gửi Phòng Tài nguyên & Môi trường TP Nam Định; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N; UBND Phường L, thành phố N về việc xác định lại nguồn gốc đất của hộ bà Lê Thị H, ông Phạm Quốc T, bà Phạm Thu T.

Căn cứ công văn trả lời số 70A ngày 17-7-2023 của UBND Phường L; Công văn số 1491/CV-CNVPhĐK ngày 25-7-2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP Nam Định; Công văn số 676/TNMT ngày 03-8-2023 của Phòng tài nguyên và môi trường về xác định nguồn gốc đất của bà Lê Thị H xác định có 97,8m² đất thuộc trường hợp nộp tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp; còn 242m² đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ để Chi cục thuế xác định mức tiền sử dụng đất của bà Hnhur trên là xuất phát từ nguồn gốc đất của bà H sau khi xác minh lại. Cụ thể: Đối với diện tích đất 97,8m² có nguồn gốc mua của ông D bà T năm 1999 (thửa số 65 tờ bản đồ số 1 năm 1977 tại địa chỉ tổ 3 xã L, thành phố N), đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở, có tên trên bản đồ 1977 nên thuộc trường hợp được nộp tiền 50% theo điểm a khoản 2 Điều 5 của nghị Định 45 năm 2014. Đối với 242m² đất có nguồn gốc bà Hmua của ông V 403m² đất ao (vị trí trên bản đồ 1977

thuộc tờ bản đồ số 1 thửa 71), ông V mua của thôn năm 1992 là đất ao nên thuộc trường hợp nộp tiền sử dụng đất bằng **mức** chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định 45 năm 2014.

Chính vì vậy nên ngày 22-8-2023 Chi cục thuế ban hành 02 thông báo số LTB23111301-TK 0009753/TB-CCT ngày 22-8-2023 và thông báo số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 về việc điều chỉnh bổ sung tiền sử dụng đất đối với diện tích đất 97,8m² bà H phải nộp bằng 50% chênh lệch giữa 2 loại đất là 90.465.000 đồng; đối với diện tích đất 242m² bà H phải nộp tiền bằng **mức** chênh lệch giữa hai loại đất là 447.700.000 đồng. Theo quy định tại Điểm 2.1.b mục IV phần II tại Quyết định số 2155/QĐ-TCT ngày 14-12-2017 của Tổng cục Thuế về việc ban hành quy trình luân chuyển và xử lý hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính trong nội bộ cơ quan thuế đối với các khoản thu từ đất của cá nhân, hộ gia đình khi Chi cục thuế ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất chưa chính xác thì có quyền ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất mới ngày 22-8-2023 thay thế thông báo ngày 24-4-2023.

Đối với yêu cầu khởi kiện ngày 11-3-2024 và yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 08-5-2024 của bà Lê Thị H, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có quan điểm như sau:

Chi cục thuế không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xác định thêm người bị kiện là Chi cục trưởng chi cục thuế khu vực thành phố N – M, đưa thêm người tham gia tố tụng là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố N và UBND phường L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 của Chi cục trưởng chi cục thuế khu vực thành phố N – M và Thông báo nộp tiền số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M.

3. *Tại bản tự khai ngày 23-5-2024 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ủy ban nhân dân phường L) là ông Trần Hữu Đoàn trình bày:*

- Về nguồn gốc: Thửa đất 37 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N được xác định theo Phương án điều chỉnh Nghĩa vụ tài chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đợt 17 đối với 1 hộ gia đình, cá nhân (bà Lê Thị H) được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23-5-2022. Theo bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, năm 1999 bà H mua mảnh đất của ông D, chị Mai diện tích 693,1m². (Theo bản

đồ 1977 thuộc tờ 01 thửa 65, diện tích 598m² trong đó đất thổ cư là 206m², đất vườn là 392m² đứng tên cụ Trần Thị Hoan, cụ Hoan cho ông D, bà T sử dụng không giấy tờ. Phần diện tích dôi dư 95,1m² so với năm 1977, gia đình bà H sử dụng từ năm 1977 khi mua lại đất của ông D bà T đã sử dụng từ trước năm 1993 đến năm 1999 bán cho bà Hồng). Năm 2000 bà H mua của ông V 400,3m² đất ao (vị trí trên bản đồ năm 1977 thuộc tờ bản đồ 01 thửa đất 71 ông V mua của thôn năm 1992 là đất ao). Năm 2012 bà H tặng cho con là chị Phạm Thu T diện tích 77,9m², cho con là anh Phạm Quốc T là 80,4m² được UBND phường L chứng thực (phần diện tích bà H cho các con nằm trên phần diện tích đất ao mà bà H mua lại của ông V năm 2000).

- Về trình tự thủ tục, quá trình lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất: Năm 2004 đoàn đo đạc 202 đo đạc trên địa bàn phường L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, đo đạc hiện trạng thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8 có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 26-10-2004 – không ghi tên chủ sử dụng với lý do chủ sử dụng không cho đo, diện tích 1096,1m², hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-10-2005 và sổ mục kê năm 2007 thể hiện thửa đất có diện tích 1096,1m² trong đó có 693,1m² là đất vườn và 403m² là đất ao. Sau khi bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật bà H làm thủ tục tách thửa cho con trai là Phạm Quốc T 80,4m² đất, số thửa 130, tách cho con gái là Phạm Thu Tang 77,9m² đất, số thửa 131, có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-7-2012.

- Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Bà Lê Thị H liên hệ với Ban Địa chính- xây dựng phường L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2013. Ngày 03-12-2014 UBND phường L tiếp nhận đơn và các giấy tờ liên quan đến nguồn gốc để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồng. Ngày 22-5-2017 bà H nộp hồ sơ tại trung tâm giao dịch hành chính một cửa của thành phố. Do bà H sử dụng 1 phần đất có nguồn gốc không hợp pháp nên UBND phường xây dựng phương án điều chỉnh xử lý nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hồng. Ngày 23-5-2022 UBND thành phố N phê quyết phương án điều chỉnh nghĩa vụ tài chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với bà Lê Thị H.

- Quan điểm của UBND phường đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Tại bản tự khai ngày 22-5-2024, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N) là bà Trần Thị Thu Quỳnh trình bày:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 địa chỉ tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH039309 ngày 19-10-2022 đứng tên bà Lê Thị H.

Về nguồn gốc: Về nguồn gốc thửa đất 37 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N được xác định theo Phương án điều chỉnh Nghĩa vụ tài chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đợt 17 đối với 1 hộ gia đình, cá nhân (bà Lê Thị H) được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23-5-2022. Theo bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, năm 1999 bà H mua mảnh đất của ông Dung, chị Mai diện tích 693,1m². (Theo bản đồ 1977 thuộc tờ 01 thửa 65, diện tích 598m² trong đó đất thổ cư là 206m², đất vườn là 392m² đứng tên cụ Trần Thị Hoan, cụ Hoan cho ông D, bà T sử dụng không giấy tờ. Phần diện tích dôi dư 95,1m² so với năm 1977, gia đình bà H sử dụng từ năm 1977 khi mua lại của ông D bà T đã sử dụng từ trước năm 1993 đến năm 1999 bán cho bà Hồng). Năm 2000 bà H mua của ông V 400,3m² đất ao (vị trí trên bản đồ năm 1977 thuộc tờ bản đồ 01 thửa đất 71 ông V mua của thôn năm 1992 là đất ao). Năm 2012 bà H tặng cho con Trang diện tích 77,9m², cho Thịnh là 80,4m² được UBND phường L chứng thực (phần diện tích bà H cho các con nằm trên phần diện tích đất ao mà bà H mua lại của ông V năm 2000), diện tích còn lại bà H sử dụng. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo phương án cấp giấy thì bà H được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

5. Tại công văn số 1201/CNVPĐKĐĐ, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N) là ông Hoàng Thắng trình bày:

Bà Lê Thị H được UBND thành phố N phê duyệt phương án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17-12-2020, sau đó được UBND thành phố N điều chỉnh lại phương án ngày 23-5-2022. Tại phương án cấp giấy thì nguồn gốc sử dụng đất của bà Lê Thị H như sau: Theo bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, năm 1999 bà H mua mảnh đất của ông Dung, chị Mai diện tích 693,1m². (Theo bản đồ 1977 thuộc tờ 01 thửa 65, diện tích 598m² trong đó đất thổ cư là 206m², đất vườn là 392m² đứng tên cụ Trần Thị Hoan, cụ Hoan cho ông D, bà T sử dụng không giấy tờ. Phần diện tích dôi dư 95,1m² so với năm 1977, gia đình bà H sử dụng từ năm 1977 khi mua lại của ông D bà T đã sử dụng từ trước năm 1993 đến năm 1999 bán cho bà Hồng). Năm 2000 bà H mua của ông V 400,3m² đất ao (vị trí trên bản đồ năm 1977 thuộc tờ bản đồ 01 thửa đất 71 ông V mua của thôn năm 1992 là đất ao). Năm 2012 bà H tặng cho con Trang diện tích 77,9m², cho Thịnh là 80,4m² được UBND phường L chứng thực (phần diện tích bà H cho các con nằm trên phần diện tích đất ao mà bà H mua lại của ông V năm 2000), diện tích còn lại bà H sử dụng. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo phương án cấp giấy thì bà H được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Trong đó bà Lê Thị H được cấp giấy chứng nhận số DH 039309 ngày 19-10-2022 tại thửa đất 37 tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N diện tích 937,8m²(đất ở là 598m², đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m²). Bà H nộp đơn xin thực hiện nghĩa vụ tài chính chuyển mục đích sử dụng đất, VP đăng ký đất đai đã có phiếu chuyển thông tin số 769/PC TTĐC ngày 28-02-2023 đối với hộ bà Lê Thị H theo đúng Thông tư 88 ngày 22-6-2022 và luân chuyển thông tin sang Chi cục thuế khu vực thành phố N – M ngày 22-8-2023. Quan điểm của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N đề nghị Tòa án không tiến hành đối thoại với người khởi kiện, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về yêu cầu của người khởi kiện:

- Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 11 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết hướng dẫn một số điều Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16-6-2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Hủy toàn bộ Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M. Buộc Chi cục thuế khu vực thành phố N - M và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Buộc Chi cục Thuế và Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N - M phải nộp toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-3-2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08-5-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 và Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục thể khu vực thành phố N – M; Buộc chi cục thuế khu vực thành phố N – M Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16-6-2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29-7-2012; Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15-01-2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là khiếu kiện quyết định hành chính và buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực thuế.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M và Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục thể khu vực thành phố N – M, là quyết định của cơ quan hành chính và người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính cấp huyện. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính thì đối tượng khởi kiện của bà Lê Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại ngày 14-11-2023; Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M đã ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất ngày 22-8-2023. Bà Lê Thị H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính và được Tòa án thụ lý ngày 11-3-2024. Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì bà Lê Thị H đã khởi kiện vụ án hành chính khi còn thời hiệu khởi kiện.

1.4 Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M, UBND phường L, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố N có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng Hành chính Hội đồng xét xử xử vắng mặt Chi cục thuế khu vực thành phố N – M, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M, UBND phường L,

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N, Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố N.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

2.1. Về hình thức, thẩm quyền ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023

- Về hình thức: Thông báo nộp tiền số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 là thông báo nộp tiền do Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M ban hành bằng văn bản đối với bà Lê Thị H tuân thủ đúng hình thức thông báo, mẫu số: 01/TB- TSDĐ ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 quy định chi tiết một số điều luật quản lý thuế.

- Về thẩm quyền ban hành: Xét thấy việc ban hành thông báo này để yêu cầu bà Lê Thị H thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, là hoạt động của Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý trong lĩnh vực lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố N theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14-01-2019 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thuế cấp huyện. Thông báo nộp tiền số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 do ông Trần Phi Hùng, chức vụ: Phó Chi cục trưởng ký thay Chi cục trưởng. Căn cứ Điều 13 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 quy định chi tiết một số điều luật quản lý thuế quy định về các trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế và thông báo nộp thuế, Quyết định số 450/QĐ-CCTKV ngày 11-4-2023 về việc phân công lĩnh vực phụ trách của Lãnh đạo Chi cục Thuế khu vực thành phố N – M thì Thông báo trên đã được ban hành đúng thẩm quyền, người ký thông báo có thẩm quyền ký văn bản.

2.2 Về hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023:

- Về hình thức: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 do Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực thành phố N – M ban hành bằng hình thức văn bản theo đúng mẫu số 15 Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật khiếu nại.

- Về thẩm quyền ban hành: Xét việc ban hành Quyết định này để giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H đối với Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M, là hoạt động của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước trong việc xử lý đơn khiếu nại theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01-10-2021 của Thanh tra Chính phủ quy định Quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh và theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14-01-2019 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thuế cấp huyện. Quyết định giải

quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 do bà Đỗ Thị Thu Hiền - chức vụ: Chi cục trưởng ký. Căn cứ vào Điều 72 của Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 15-5-2017 và Quyết định số 450/QĐ-CCTKV ngày 11-4-2023 về việc phân công lĩnh vực phụ trách của Lãnh đạo Chi cục Thuế khu vực thành phố N – M thì Quyết định trên đã được ban hành đúng thẩm quyền, người ký thông báo có thẩm quyền ký văn bản.

2.3. Về nội dung Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023:

2.3.1 Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định nguồn gốc hình thành thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8, diện tích 937,8m² tại địa chỉ Tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định là do bà Lê Thị H mua từ 02 thửa đất của ông D bà T và của ông Dương Đình V. Cụ thể: Tháng 5-1999 bà H mua của ông D, bà T 694m² đất, trong đó đất thổ cư là 206m², đất vườn là 392m², đất ao là 120m². Diện tích đất nói trên có số thửa 65, tờ bản đồ số 1 năm 1977, tại địa chỉ: Tổ 3, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trên bản đồ địa chính, thửa đất đứng tên cụ Trần Thị Hoan, cụ Hoan cho con là ông D, bà T sử dụng. Tháng 3-2000 bà H mua tiếp 400,3m² đất ao (sau này đo đạc lại là 403m²) của ông Dương Đình V. Vị trí đất ao mua thêm tiếp giáp với thửa đất bà H đã mua của ông D, bà T. Nguồn gốc đất ao này là của thôn bán cho ông V vào năm 1992, có phiếu thu tháng 01-1992, trên bản đồ địa chính năm 1977 có tổng diện tích là 2650m². Sau khi được mua đất ao của thôn, năm 2000 ông V tách 400,3m² đất ao bán cho bà H. Việc mua bán đất giữa bà H với ông D bà T có lập Văn tự mua bán nhà đất ngày 04-5-1999 có xác nhận của UBND phường L. Sau khi bà H mua thêm ao của ông V thì đã được UBND xã L ghi gộp chung cùng văn tự mua bán nhà đất với ông D bà T với tổng diện tích là 994m².

Quá trình sử dụng đất: Tại Bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật xác định tháng 3-2000 bà H xây dựng nhà trên phần diện tích đất mua của ông D bà T, năm 2002 kê ao và trồng cây trên thửa đất. Năm 2004, UBND thành phố N tiến hành đo đạc hiện trạng để phục vụ cho công tác xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường L, do giữa bà H và ông Ngô Ngọc Định đang tranh chấp chia tài sản chung nên mặc dù đoàn đo đạc đã đo nhưng gia đình bà H không công nhận kết quả đo đạc. Tuy nhiên tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 06-10-2005 thể hiện thửa đất của bà H có số thửa 37 tờ bản đồ số 8 số hiệu mảnh bản đồ gốc: (265569 – 8-(3)), diện tích là 1096,1m². Trên bản đồ địa chính năm 2004 nghiệm thu năm 2005 do UBND phường L cung cấp thể hiện thửa 37 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1096,1m², trong đó có 693,1m² là đất vườn và 403m² là đất ao, không thể hiện nhà ở. Như vậy, mặc dù nguồn gốc hình thành thửa 37 tờ bản đồ số 8 của bà Lê Thị H từ 2 thửa đất khác nhau nhưng trải qua quá trình sử dụng đất bà H thực

hiện hợp thửa. Việc này cũng được khẳng định tại công văn số 70A/UBND-NC ngày 17-7-2023 UBND phường L với nội dung: “Năm 2004, khi đo đạc Bản đồ địa chính để phục vụ cho công tác xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường L. Thửa đất gia đình bà H sử dụng bao gồm cả diện tích đất mua của ông D, bà T năm 1999 và diện tích đất ao mua của ông V năm 2000”. Căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 thì phần diện tích đất bà H mua của ông D, bà T năm 1999 và của ông Dương Đình V vào năm 2000 đã được coi là 01 thửa đất - thửa 37 tờ bản đồ số 8 phường L. Trên bản đồ địa chính năm 2004 nghiệm thu năm 2005 thể hiện thửa đất của bà H có đất vườn, đất ở nhưng không thể hiện nhà ở, tuy nhiên theo Bản án số 12/2012/DS-PT ngày 16-4-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định có hiệu lực pháp luật xác định bà H xây nhà trên đất từ năm 2000. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết hướng dẫn một số điều Luật Đất đai năm 2013 thì *trường hợp sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng*. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8 của bà Lê Thị H là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở hình thành từ ngày 18-12-1980 đến trước ngày 01-7-2004 theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Năm 2012 bà H làm thủ tục tách thửa cho con trai là Phạm Quốc T 80,4m² đất, tách cho con gái là Phạm Thu T 77,9m² đất. Đến ngày 19-10-2022 bà Lê Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH039309 với diện tích đất được cấp là 937,8m². Trong đó đất ở là 598m², đất trồng cây lâu năm là 95,1m², đất nuôi trồng thủy sản là 244,7m².

2.3.2 Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi chuyển mục đích sử dụng đất của bà Lê Thị H:

Như phân tích tại mục 2.3.1 thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1096,1m² tại Tổ 1 Đệ Tứ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định của bà Lê Thị H là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở hình thành từ ngày 18-12-1980 đến trước ngày 01-7-2004 theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Tháng 6-2012 bà H làm thủ tục tách thửa cho con trai là Phạm Quốc T 80,4m² đất, tách cho con gái là Phạm Thu T 77,9m² đất, phần đất còn lại là 937,8m² bà Lê Thị H sử dụng. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16-6-2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì đất có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc thu dân cư không được công nhận là đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp. Tức là đối với phần diện tích đất xin chuyển mục đích sử dụng đất là 242m² của bà Lê Thị H thuộc trường hợp thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất

tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc Chi cục thuế khu vực thành phố N - M xác định nguồn gốc 242m² đất trong thửa 37 tờ bản đồ số 8 của bà Lê Thị H có nguồn gốc tách ra từ thửa đất ao của ông Dương Đình V nên thuộc trường hợp nộp tiền sử dụng đất bằng **mức** chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị Định 45 năm 2014 là không đúng quy định pháp luật. Do đó, việc Chi cục thuế khu vực thành phố N – M ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 xác định mức nộp tiền sử dụng đất đối với 242m² đất của bà H bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không đúng quy định pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 có nội dung giữ nguyên toàn bộ nội dung Thông báo nộp tiền đã phát hành của Chi cục thuế khu vực thành phố N – M đối với hộ bà Lê Thị H: Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023; Yêu cầu bà Lê Thị H thực hiện Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất nêu trên cần phải hủy toàn bộ.

Đối với Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009753/TB-CCT ngày 22-8-2023 xác định mức nộp tiền sử dụng đất đối với 97,8m² đất của bà H bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bà Lê Thị H đã nộp đủ tiền, không có khiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong vụ án được chấp nhận nên người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M phải nộp toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 11 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết hướng dẫn một số điều Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16-6-2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất

- Căn cứ khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Hủy toàn bộ Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB23111301-TK 0009754/TB-CCT ngày 22-8-2023 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1967/QĐ-CCTKV ngày 24-11-2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M.

Buộc Chi cục thuế khu vực thành phố N - M và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất đối với 242m² đất, số thửa 37 tờ bản đồ số 8 phường L, thành phố N của bà Lê Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N - M, Ủy ban nhân dân phường L, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định Luật tố tụng Hành chính.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền